TOÀ ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 10 - THANH HOÁ**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 23/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 30 - 01 - 2026
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 10 - THANH HOÁ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Lê Văn Thịnh

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Quách Văn Toản

Ông Phạm Thanh Hùng

***- Thư ký phiên toà*:** Bà Lê Mỹ Duyên - Thư ký Toà án nhân dân khu vực 10 - Thanh Hoá.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 10 - Thanh Hoá tham gia phiên toà: Bà Hoàng Hải Yến - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 01 năm 2026, tại trụ sở Toà án nhân dân khu vực 10 - Thanh Hoá xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 120/2025/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 11 năm 2025 về Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 88/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 12 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên toà số 01/2026/QĐST-HNGĐ ngày 13 tháng 01 năm 2026, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Hà Thị H; sinh năm: 1996; CCCD số: 038196003312; Hộ khẩu thường trú: Thôn T, xã T, tỉnh Thanh Hoá; chỗ ở hiện nay: Thôn T, xã T, tỉnh Thanh Hoá.

- *Bị đơn*: Anh Lương Văn C; sinh năm: 1988; CCCD số: 038088005944; Hộ khẩu thường trú trước khi xuất cảnh: Thôn T, xã T, tỉnh Thanh Hoá; chỗ ở hiện nay: Đài Loan.

Tại phiên toà vắng mặt chị H, anh C. Chị H đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, anh C vắng mặt không có lý do lần thứ hai.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 29/10/2025 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là chị Hà Thị H trình bày: Chị và anh Lương Văn C kết hôn tự nguyện, đăng ký ngày 13/02/2015 tại Uỷ ban nhân dân xã T, huyện N, tỉnh Thanh Hoá (nay là xã T, tỉnh Thanh Hoá). Sau ngày cưới, cuộc sống vợ chồng sống hoà thuận đến năm 2021 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do năm 2021 anh C đi

xuất khẩu lao động tại Đài Loan, vợ chồng sống xa nhau nên thường xuyên xảy ra cãi vã, không tìm được tiếng nói chung. Hai bên gia đình đã hoà giải nhưng không có kết quả. Vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2021 cho đến nay, không còn liên lạc với nhau. Hiện nay, anh C cố tình giấu địa chỉ ở Đài Loan với chị nhưng chị được biết anh C vẫn thường xuyên liên lạc với anh trai là anh Lương Văn C1, có địa chỉ tại thôn T, xã T, tỉnh Thanh Hoá. Nay chị xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, nên chị yêu cầu Toà án giải quyết cho chị được ly hôn anh C.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là cháu Lương Thị Ngọc T, sinh ngày 06/06/2016 và cháu Lương Thị Như N, sinh ngày 22/07/2018. Nếu ly hôn, chị H có nguyện vọng được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cả hai cháu. Không yêu cầu anh C phải cấp dưỡng nuôi con chung. Hiện nay, chị đang làm công nhân, thu nhập bình quân hằng tháng khoảng 10.000.000đ (Mười triệu đồng), chị đủ khả năng nuôi con.

Về tài sản: Chị H không yêu cầu Toà án giải quyết.

Tại các biên bản xác minh ngày 04/11/2025 và ngày 24/12/2025, anh Lương Văn C1 (anh trai của anh C) trình bày: Chị H và anh C kết hôn tự nguyện vào năm 2015, có đăng ký tại Uỷ ban nhân dân xã T, huyện N, tỉnh Thanh Hoá (nay là xã T, tỉnh Thanh Hoá). Năm 2020, anh C đi xuất khẩu lao động tại Đài Loan, sau đó anh có về thăm gia đình và tiếp tục đi làm tại Đài Loan cho đến nay. Do anh C và chị H sinh sống xa nhau nên tình cảm dần lạnh nhạt, đến nay không thể cứu vãn được. Hiện chị H đã về nhà bố mẹ đẻ sinh sống.

Về con chung: Chị H và anh C có 02 con chung là cháu Lương Thị Ngọc T, sinh ngày 06/06/2016 và cháu Lương Thị Như N, sinh ngày 22/07/2018. Hiện các cháu đang ở với ông bà nội.

Về tài sản: Anh không biết chị H và anh C có tài sản chung hay không.

Từ khi đi Đài Loan đến nay, anh C vẫn liên lạc về với gia đình qua mạng xã hội. Tuy nhiên về địa chỉ cụ thể của anh C ở Đài Loan, anh không cung cấp, gia đình không được biết nên không thể cung cấp cho Tòa án, anh C có nhờ anh C1 nhận các văn bản của Tòa án và thông báo lại cho anh. Các văn bản tố tụng, Toà án tống đạt cho anh C, anh C1 đã nhận đầy đủ và đều thông báo lại cho anh C biết. Tuy nhiên, do điều kiện ở xa, anh không thể tham gia giải quyết được. Anh C thống nhất với yêu cầu của chị H và đề nghị Toà án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Ý kiến của Viện kiểm sát:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử (sau đây viết tắt là HĐXX), Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2025 (sau đây viết tắt là BLTTDS); chị H đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình theo quy định của pháp luật, anh C không thực hiện quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình theo quy định của pháp luật. Đề nghị HĐXX xét xử vắng mặt cả hai bên đương sự theo quy định của BLTTDS. Về giao nhận, tống đạt văn bản tố tụng Toà án đã thực hiện đúng theo quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án: Đề nghị HĐXX áp dụng các Điều 51; 56; 57; 58; 81; 82; 83 Luật hôn nhân và gia đình; các Điều 28; 35; 39; 147; 227; 228; 238; 271; 273; 469; 479 BLTTDS; Điều 6; điểm a khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Về hôn nhân: Xử cho chị Hà Thị H được ly hôn anh Lương Văn C.

Về con chung: Chị Hà Thị H và anh Lương Văn C có 02 con chung là cháu Lương Thị Ngọc T, sinh ngày 06/06/2016 và cháu Lương Thị Như N, sinh ngày 22/07/2018. Giao cả hai cháu cho chị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh C không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Anh C có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung không ai được cản trở.

Về tài sản: Chị H không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

Về án phí: Chị Hà Thị H phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về việc xin ly hôn, nhưng được trừ vào số tiền chị đã nộp tạm ứng tại Thi hành án dân sự tỉnh Thanh Hoá, theo biên lai số 0002573 ngày 04/11/2025. Chị H đã nộp đủ tiền án phí.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, HĐXX nhận định:

[1] Về tố tụng:

Chị Hà Thị H khởi kiện yêu cầu ly hôn anh Lương Văn C, Hộ khẩu thường trú trước khi xuất cảnh tại Thôn T, xã T, tỉnh Thanh Hoá, chỗ ở hiện nay tại Đài Loan nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân khu vực 10 - Thanh Hoá theo quy định tại khoản 1 Điều 28; Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 và Điều 469 BLTTDS.

Về việc tống đạt các văn bản tố tụng cho bị đơn: Chị H chỉ cung cấp được địa chỉ nơi cư trú cuối cùng của anh C ở Việt Nam, không cung cấp được địa chỉ của anh C tại nước ngoài. Tòa án đã yêu cầu đến lần thứ hai nhưng anh Lương Văn C1 (anh trai của anh C) trình bày không biết địa chỉ cụ thể của anh C ở Đài Loan. Tuy anh C thường xuyên liên lạc với gia đình nhưng cố tình không cung cấp địa chỉ của anh hiện nay ở nước ngoài. Anh Lương Văn C1 vẫn thường xuyên liên lạc với anh C nên đã nhận các văn bản tố tụng của Tòa án để thông báo cho anh C được biết. Vì vậy, Tòa án giải quyết vụ án theo thủ tục bị đơn cố tình giấu địa chỉ.

Tòa án đã thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ cho các bên đương sự nhưng anh C không có mặt nên Tòa án đã thông báo kết quả kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ cho anh C theo quy định tại khoản 3 điều 210 BLTTDS.

Chị H đề nghị không tiến hành hoà giải nên Toà án không tiến hành hoà giải

được. Đây là trường hợp không tiến hành hoà giải được theo quy định tại khoản 4 điều 207 BLTTDS.

Chị Hà Thị H đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; Toà án đã triệu tập hợp lệ anh Lương Văn C lần thứ hai đến Tòa án để tham gia phiên toà nhưng anh C vẫn vắng mặt mà không có lý do. Căn cứ quy định tại khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228 BLTTDS Toà án xét xử vắng mặt chị H, anh C.

[2] Về hôn nhân: Chị Hà Thị H và anh Lương Văn C kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 13/02/2015 tại Uỷ ban nhân dân xã T, tỉnh Thanh Hoá và không vi phạm các điều cấm của Luật hôn nhân và gia đình, là hôn nhân hợp pháp. Trong cuộc sống hôn nhân, vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, cãi vã và không tìm được tiếng nói chung là do sống xa nhau, vợ chồng đã sống ly thân. Chị H không có địa chỉ của anh C tại Đài Loan nên không cung cấp địa chỉ của anh C cho Tòa án được, thông qua gia đình thì anh Lương Văn C1 (anh trai của anh C) trình bày anh C đã biết chị H có đơn xin ly hôn và anh C thống nhất với yêu cầu của chị H. Điều đó chứng tỏ chị H, anh C đã vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Căn cứ điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình xử cho chị H được ly hôn anh C.

[3] Về con chung: Chị H và anh C có 02 con chung. Xét thấy, các cháu có nguyện vọng muốn được ở với mẹ khi bố mẹ ly hôn. Ngoài ra, hiện nay anh C đang lao động tại Đài Loan nên không thể trực tiếp nuôi con được. Để đảm bảo sự phát triển ổn định về mọi mặt cho hai cháu, cũng như theo nguyện vọng của hai cháu. Chấp nhận yêu cầu của chị H: giao cả hai cháu cho chị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Ghi nhận ý kiến của chị H, đây là sự tự nguyện của chị H, anh C không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

[4] Về tài sản: Chị H không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí: Chị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51; 56; 57; 58; 81; 82; 83 Luật hôn nhân và gia đình; các Điều 28; 35; 39; 147; 227; 228; 238; 271; 273; 469; 479 BLTTDS; Điều 6; điểm a khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

1. Về hôn nhân: Xử cho chị Hà Thị H được ly hôn anh Lương Văn C.

2. Về con chung: Chị Hà Thị H và anh Lương Văn C có 02 con chung là cháu Lương Thị Ngọc T, sinh ngày 06/06/2016 và cháu Lương Thị Như N, sinh

ngày 22/07/2018. Giao cả hai cháu cho chị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh C không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh C có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung không ai được cản trở.

3. Về tài sản: Chị H không yêu cầu nên Toà án không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Chị Hà Thị H phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về việc xin ly hôn, nhưng được trừ vào số tiền chị đã nộp tạm ứng tại Thi hành án dân sự tỉnh Thanh Hoá, theo biên lai số 0002573 ngày 04/11/2025. Chị H đã nộp đủ tiền án phí.

Án xử công khai sơ thẩm. Chị H có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án. Anh C có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 01 tháng kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ hoặc ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND cùng cấp;
- UBND xã Thanh Quân;
- THADS cấp tỉnh;
- TAND tỉnh Thanh Hoá;
- Lưu HSVA; Văn thư.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Văn Thịnh